

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 365/TTr-SNNMT ngày 26/3/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh

trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành **trước ngày 10/4/2026**.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, TDNV, HCC_{Tr}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục
DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH
VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH, SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH VÀ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (1.004943.H50)	<p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch</p>	Trung tâm PVHCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 12 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có

		Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.				
2	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (1.004683.H50)	<p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.</p>	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 17, Điều 18 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 12	Điều 14 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có

	<p>ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915.H50)</p>	<p>hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>		<p>năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.</p>		
4	<p>Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (1.004918.H50)</p>	<p>- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 10 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</p>	<p>Có</p>

5	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (1.004359.H50)	- Đối với trường hợp cấp mới: 05 ngày làm việc - Đối với trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	Điều 28 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (1.004913.H50)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 20 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có
7	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (1.004692.H50)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có
8	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra thực tế. Trường hợp hồ sơ	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần (Theo quy định tại Thông tư số	Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có

	<p>và Môi trường quản lý) (1.003741.H50)</p>	<p>và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.</p> <p>Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá;</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>		94/2021/TT-BTC)		
9	<p>Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá</p>	<p>- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ</p>	<p>Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 38 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP</p>	<p>Có</p>

	(1.004697.H50)	<p>quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện cơ sở; nếu đạt yêu cầu thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.</p> <p>Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc.</p> <p>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.</p>				
--	----------------	--	--	--	--	--

		- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.				
10	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam (1.004344.H50)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 43 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP	Có
11	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (2.001694.H50)	Đối với cấp mới là 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 16 Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT	Có
12	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (1.004794.H50)	Đối với cấp mới là 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh/ cấp xã	Không quy định	Điều 18 Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT	Có

B. DANH MỤC TTHC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH VÀ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) (1.004678.H50)	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15
2	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (1.004669.H50)	Chủ tịch UBND tỉnh	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15
3	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) (1.004684.H50)	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15
4	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá (1.004056.H50)	UBND cấp tỉnh	Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) (1.003726.H50)	Chủ tịch UBND tỉnh	Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP; Lí do: Gộp chung vào TTHC cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)

C. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) 1.014801.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC cấp xã/ tỉnh	Không quy định	Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ	Có